

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7052 /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt “Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng thương mại trên tuyến hành lang kinh tế Lạng Sơn – Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh giai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2025”

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 17/2010/TT-BCT ngày 05 tháng 05 năm 2010 của Bộ Công Thương Quy định về nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch phát triển ngành thương mại;

Căn cứ Quyết định số 1340/QĐ-BCT ngày 17 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt đề cương và dự toán “Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng thương mại trên tuyến hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh giai đoạn 2009 - 2020, có xét đến năm 2025”;

Xét tờ trình số 422/TTr-VNCTM ngày 03 tháng 12 năm 2010 của Viện trưởng Viện Nghiên cứu thương mại;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng thương mại trên tuyến hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh giai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2025” với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển

- Phát triển kết cấu hạ tầng thương mại tuyến hành lang kinh tế trên cơ sở khai thác và phát huy các lợi thế địa - kinh tế, các tiềm năng và nguồn lực của mỗi địa phương và của hai thị trường Việt Nam - Trung Quốc, thúc đẩy việc xây dựng khu mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN, đảm bảo phát triển kinh tế.

- Phân bố mạng lưới kết cấu hạ tầng thương mại trên tuyến hành lang kinh tế hợp lý và có trọng điểm, phù hợp với quy hoạch phát triển hành lang kinh tế, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của các ngành kinh tế.

- Phát triển kết cấu hạ tầng thương mại trên tuyến hành lang kinh tế phù hợp với nhu cầu sử dụng dịch vụ bán buôn, bán lẻ và các dịch vụ phụ trợ, phù hợp với quy mô giao dịch, dòng lưu chuyển hàng hoá, điều kiện giao thông vận tải.

- Phát triển kết cấu hạ tầng thương mại trên tuyến hành lang kinh tế bền vững và hiệu quả theo hướng đa dạng hoá các thành phần tham gia đầu tư; kết hợp truyền thống với hiện đại và tuân thủ các tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật đối với từng loại hình, tăng cường áp dụng các phương thức giao dịch hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng của các dịch vụ và thúc đẩy hiện đại hoá các ngành sản xuất.

- Phát triển kết cấu hạ tầng thương mại trên tuyến hành lang kinh tế đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường sinh thái và giữ vững an ninh quốc gia.

2. Mục tiêu phát triển

2.1. Mục tiêu chung

Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng thương mại trên tuyến hành lang nhằm tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho phát triển và hợp tác phát triển thương mại giữa các tỉnh/thành phố, giữa các doanh nghiệp dọc tuyến và doanh nghiệp nước thứ ba, đưa hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành điểm tăng trưởng mới của hợp tác kinh tế thương mại hai nước Việt Nam - Trung Quốc và đóng vai trò quan trọng trong hợp tác kinh tế thương mại ASEAN - Trung Quốc.

- Tạo ra sức hấp dẫn của tuyến hành lang để thu hút đầu tư, thúc đẩy hợp tác, liên kết kinh tế - thương mại giữa các tỉnh của Việt Nam với tỉnh

Quảng Tây và các tỉnh khác của Trung Quốc, các nước ASEAN, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và tăng trưởng ngành thương mại.

- Xây dựng một cấu trúc hạ tầng thương mại hiện đại, tạo cơ sở phát huy vai trò của thương mại trong việc dẫn dắt các ngành sản xuất của các địa phương dọc tuyến và thu hút người lao động địa phương đặc biệt là nông dân và đồng bào miền núi tham gia vào hoạt động thương mại.

- Bảo đảm cho các dòng lưu chuyển hàng hoá ổn định; kịp thời, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và nhu cầu tiêu dùng của các địa phương dọc tuyến, góp phần thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ, giảm nhập siêu, tiến tới cân bằng xuất- nhập khẩu cả nước.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2015, hoàn thành một cách cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại trên tuyến hành lang, trong đó tập trung đầu tư các khu thương mại và trung tâm bán buôn; công tác quản lý, khai thác các công trình hạ tầng thương mại đi vào nề nếp, xây dựng được môi trường cạnh tranh lành mạnh; thúc đẩy quá trình lưu thông và xuất nhập khẩu hàng hoá, góp phần đưa tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ toàn tuyến hành lang đạt tốc độ tăng bình quân 20%/năm; Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua tuyến hành lang đạt tốc độ tăng bình quân là 19%/ năm; giá trị tăng thêm ngành thương mại trên toàn tuyến đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 11,2%/năm giai đoạn 2011-2015.

- Đến năm 2020, hoàn thành cơ bản việc xây dựng các công trình hạ tầng thương mại trên tuyến hành lang kinh tế theo quy hoạch, bao gồm các khu thương mại hoạt động theo mô hình khu thương mại tự do; trung tâm bán buôn, trung tâm trung chuyển hàng hóa và kho vận với đầy đủ các chức năng; chợ bán buôn nông sản, sở giao dịch hàng hóa; trung tâm mua sắm và các siêu thị tạo cơ sở đưa:

- + Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ toàn tuyến hành lang kinh tế đạt tốc độ tăng bình quân 22%/năm giai đoạn 2016-2020;

- + Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trên toàn tuyến hành lang đạt tốc độ tăng trưởng bình quân là 21%/năm;

- + Giá trị tăng thêm ngành thương mại trên toàn tuyến đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 13,4%/năm giai đoạn 2016 – 2020.

- Đến năm 2025, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại trên

tuyến hành lang kinh tế có tính thống nhất, trình độ quản lý và kinh doanh hiện đại góp phần thúc đẩy tăng trưởng cao về lưu thông hàng hoá, dịch vụ.

3. Định hướng phát triển

3.1. Định hướng phát triển khu thương mại

Xây dựng các khu thương mại trở thành nơi hoạt động giao dịch, đàm phán thương mại, xuất - nhập khẩu hàng hoá, triển lãm hội chợ, các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, bưu chính viễn thông, tư vấn, vui chơi - giải trí, ăn uống, khách sạn...

Trên tuyến hành lang sẽ phát triển 02 khu thương mại Tân Thanh và Cốc Nam trở thành trung tâm thương mại quốc tế, điểm khởi đầu và đột phá của tuyến hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và là điểm đầu nối của Khu mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN.

3.2. Định hướng phát triển các trung tâm bán buôn

Xây dựng các trung tâm bán buôn để phục vụ cho các hoạt động giao dịch, đàm phán và bán buôn hàng hoá của các nhà sản xuất, cung ứng và các nhà bán buôn, bán lẻ trong và ngoài nước, cũng như các doanh nghiệp hỗ trợ phân phối bán buôn hàng hoá.

Nâng cao trình độ và tính chuyên nghiệp của dịch vụ bán buôn; tăng cường trang thiết bị hiện đại, xây dựng hệ thống thông tin phục vụ cho việc phân phối hàng hóa thông qua việc ứng dụng các phương thức và kỹ thuật phân phối mới; thúc đẩy phát triển các trung tâm phân phối hàng hóa tổng hợp; tổ chức quản lý, phát triển nguồn nhân lực cho các trung tâm bán buôn theo hướng chuyên nghiệp hóa.

3.3. Định hướng phát triển các trung tâm trung chuyển và kho vận

Xây dựng các trung tâm trung chuyển và kho vận để tiếp nhận, lưu trữ, phân phối hàng hoá và công-te-nơ phục vụ cho các hoạt động bán buôn, xuất - nhập khẩu hàng hoá đồng thời kiểm tra và thực hiện các thủ tục thông quan hàng hoá xuất - nhập khẩu cũng như cung cấp các dịch vụ vận tải, kho bãi, xếp dỡ, bao gói, giao nhận...

Chuyên nghiệp hoá các dịch vụ phụ trợ cùng với việc sử dụng các thiết bị, công nghệ tiên tiến; thu hút các nguồn lực vào phát triển các dịch vụ, hỗ

trợ hoạt động trung chuyển hàng hóa và kho vận một cách đồng bộ theo từng đối tượng phục vụ.

3.4. Định hướng phát triển sở giao dịch hàng hóa

Xây dựng một sở sở giao dịch hàng hoá tại các khu vực sản xuất tập trung ở các chợ bán buôn, trung tâm bán buôn, khu vực cửa khẩu, đô thị lớn..., có các hoạt động giao dịch hàng hóa với khối lượng và tần suất giao dịch lớn để cung cấp cho các nhà sản xuất, kinh doanh thương mại và tạo công cụ giao dịch trực tuyến như các giao dịch chào mua, chào bán, cơ hội giao thương, tìm kiếm đối tác...

Hoạt động của các sở giao dịch hàng hóa tuân thủ các quy định tại Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương Mại về hoạt động mua bán hàng hoá qua sở giao dịch hàng hoá; Thông tư số 03/2009/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Bộ Công Thương hướng dẫn hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép thành lập và quy định chế độ báo cáo của Sở Giao dịch hàng hóa; Quyết định số 27/2007/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án phát triển thương mại trong nước đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

3.5. Định hướng phát triển chợ bán buôn nông sản

Xây dựng các chợ đầu mối nông sản để đảm nhiệm chức năng như một trung tâm bán buôn, có điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật đảm bảo khả năng cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho bán buôn hàng nông sản qui mô lớn, phạm vi rộng, có ảnh hưởng lớn đến sản xuất, tiêu dùng và hoạt động của các loại hình thương mại khác.

Phát triển các chợ bán buôn nông sản để cung cấp và trao đổi thông tin thị trường; tập hợp và phân phối nông sản; thực hiện vai trò điều tiết thị trường nông sản của nhà nước, bằng việc áp dụng các phương thức giao dịch hiện đại (đấu giá, thanh toán điện tử, mạng thông tin...) cung cấp các dịch vụ phụ trợ phân phối hàng hoá và các dịch vụ chuyên môn khác.

3.6. Định hướng phát triển trung tâm mua sắm

Trung tâm mua sắm nơi có giao thông thuận lợi, được đặt tại các nơi giao thoa giữa thành thị và nông thôn, ở các khu đô thị trên tuyến hành lang nhằm cung cấp dịch vụ tổng hợp cho người tiêu dùng, bao gồm cả dịch vụ bán lẻ, dịch vụ giải trí, ăn uống và các dịch vụ phụ trợ cho mua bán hàng hoá.

Trung tâm mua sắm hoàn thành với nhiều loại hình thương mại phù hợp như: cửa hàng bách hoá, siêu thị và các cửa hàng chuyên doanh, cửa hàng đồ hiệu, cửa hàng ăn nhanh... và các dãy cửa hàng, kết hợp với các dịch vụ ăn uống, giải trí, làm đẹp, ngân hàng, du lịch... .

4. Quy hoạch phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại trên tuyến hành lang kinh tế

4.1. Quy hoạch khu thương mại

Trong giai đoạn 2011 - 2015 đầu tư xây dựng 02 khu thương mại:

- 01 khu thương mại tại cửa khẩu Tân Thanh diện tích 160 ha (trong đó mở rộng, xây mới 100 ha), vốn đầu tư khoảng 2.000 tỷ đồng;
- 01 khu thương mại tại cửa khẩu Cốc Nam với diện tích 50 ha, vốn đầu tư khoảng 1.000 tỷ đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục - Bảng 1).

4.2. Quy hoạch trung tâm bán buôn

Trên toàn tuyến quy hoạch xây dựng 16 trung tâm bán buôn với diện tích là 428 ha; vốn đầu tư giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 8.920 tỷ đồng; giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 8.200 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2011 - 2015, đầu tư xây dựng mới 12 trung tâm bán buôn diện tích một trung tâm từ 5 - 50 ha, trong đó có 03 trung tâm bán buôn cấp vùng tập trung tại ngoại vi Thủ đô Hà Nội, diện tích 50 ha/1 trung tâm.

- Giai đoạn 2016 - 2020 đầu tư mới 04 trung tâm bán buôn diện tích từ 5 ha đến 50 ha và đầu tư giai đoạn II 07 trung tâm bán buôn đã đầu tư trong giai đoạn 2011 - 2015.

(Chi tiết tại Phụ lục - Bảng 2).

4.3. Quy hoạch trung tâm trung chuyển và kho vận

Trên toàn tuyến đầu tư xây mới 07 trung tâm trung chuyển và kho vận (TTTC&KV) với diện tích 1.160 ha, vốn đầu tư giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 22.800 tỷ đồng, giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 23.600 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2011 - 2015, đầu tư xây dựng mới 06 TTTC&KV (giai đoạn I) với diện tích mỗi TTCT&KV từ 80 ha đến 200 ha.

- Giai đoạn 2016 - 2020, đầu tư xây dựng mới 01 TTTC&KV với diện tích 200 ha tại huyện Phú Xuyên, Hà Nội, tiếp tục đầu tư và hoàn thành các dự án đã triển khai trong giai đoạn 2011 - 2015.

(Chi tiết tại Phụ lục - Bảng 3).

4.4. Quy hoạch sở giao dịch hàng hóa

Quy hoạch đầu tư xây mới 25 sở giao dịch hàng hóa trong giai đoạn từ 2011 - 2020 với tổng diện tích là 70.000 m².

- Giai đoạn 2011 - 2015, đầu tư xây mới 14 sở giao dịch hàng hoá với diện tích mỗi sở giao dịch hàng hoá từ 1.000 m² đến 5.000 m².

- Giai đoạn 2016 - 2020, đầu tư xây mới 11 sở giao dịch hàng hoá với diện tích sở giao dịch hàng hoá từ 1.000 m² đến 5.000 m².

(Chi tiết tại Phụ lục - Bảng 4).

4.5. Quy hoạch chợ bán buôn nông sản

Đầu tư xây dựng 20 chợ bán buôn nông sản với diện tích là 443.74 ha, vốn đầu tư trong giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 3.059 tỷ đồng và trong giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 2.681,1 tỷ đồng gồm 08 chợ chuyên doanh và 12 chợ tổng hợp.

- Giai đoạn 2011 - 2015, đầu tư xây mới 11 chợ bán buôn nông sản bao gồm: 8 chợ tổng hợp với diện tích mỗi chợ từ 03 ha đến 100 ha; 03 chợ chuyên doanh với diện tích từ 1,5 ha/1 chợ đến 2 ha/1 chợ. Nâng cấp 02 chợ (01 chợ chuyên doanh với diện tích 1,5 ha và 01 chợ tổng hợp với diện tích 03 ha).

- Giai đoạn 2016 - 2020, đầu tư xây mới 05 chợ bán buôn nông sản bao gồm 03 chợ tổng hợp với diện tích mỗi chợ từ 03 ha đến 100 ha; 02 chợ chuyên doanh với diện tích mỗi chợ từ 1,5 ha đến 1,75 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục - Bảng 5).

4.6. Quy hoạch trung tâm mua sắm

Quy hoạch xây dựng 62 trung tâm mua sắm (TTMS) với diện tích 3.754 ha, vốn đầu tư giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 22.085 tỷ đồng, giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 15.005 tỷ đồng. Trong đó 6 TTMS hạng I, 17 TTMS hạng II, 39 TTMS hạng III; 03 TTMS nâng cấp cải tạo và 59 TTMS xây mới.

- Giai đoạn 2011 - 2015, đầu tư xây dựng mới 38 TTMS: 4 TTMS hạng I, 12 TTMS hạng 2 và 22 TTMS hạng 3, diện tích mỗi TTMS hạng 1 từ 100.000 m² đến 500.000 m², diện tích mỗi TTMS hạng II từ 50.000 m² đến 100.000 m², diện tích mỗi TTMS hạng III từ 10.000 m² đến 30.000 m². Nâng cấp cải tạo 01 TTMS hạng II Đông Kinh, Lạng Sơn, diện tích 50.000 m².

- Giai đoạn 2016 - 2020, đầu tư xây mới 02 TTMS hạng I, diện tích mỗi TTMS 500.000 m², 04 TTMS hạng II diện tích bình quân mỗi TTMS là 50.000 m² và 15 TTMS hạng III, diện tích mỗi TTMS từ 10.000 m² đến 30.000 m². Đầu tư nâng cấp, cải tạo 02 TTMS hạng III.

(Chi tiết tại Phụ lục - Bảng 6).

5. Tổng hợp và phân kỳ vốn đầu tư

Nhu cầu vốn đầu tư để thực hiện quy hoạch khoảng 111.089,1 tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 61.126,5 tỷ đồng, giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 49.962,6 tỷ đồng.

- Nhu cầu vốn đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại đoạn tuyến Lạng Sơn - Bắc Giang - Bắc Ninh khoảng 28.523,1 tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 18.107 tỷ đồng, giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 10.416,1 tỷ đồng.

- Nhu cầu vốn đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại đoạn tuyến Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh khoảng 82.566 tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 43.019,5 tỷ đồng, giai đoạn 2016-2020 khoảng 39.546,5 tỷ đồng.

6. Các giải pháp và chính sách chủ yếu

6.1. Các giải pháp

- Khuyến khích, thu hút và động viên mọi nguồn vốn xã hội để xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại trên tuyến hành lang kinh tế trong đó có nguồn vốn đầu tư nước ngoài, trước hết từ các nước ASEAN. Đối với các trung tâm mua sắm và siêu thị, khuyến khích các doanh nghiệp và nhân dân đầu tư với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm.

- Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước tham gia hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thương mại được thực hiện theo các quy định hiện hành của Chính phủ

- Các tỉnh, thành phố trên tuyến hành lang cần quy hoạch sử dụng đất cho từng loại hình kết cấu hạ tầng thương mại, hỗ trợ các nhà đầu tư tiếp cận với các địa điểm mặt bằng được quy hoạch trong việc giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư...

- Tổ chức các trung tâm đào tạo về quản lý kết cấu hạ tầng thương mại; chú trọng công tác đào tạo nghề phù hợp với trình độ và độ tuổi của người

lao động; tạo cơ hội cho các nhà quản lý học tập kinh nghiệm và áp dụng tiến bộ khoa học vào quản lý.

- Triển khai ứng dụng phương thức kinh doanh thương mại tiên tiến và hiện đại (mua hàng hoá và thanh toán qua mạng internet...), xây dựng hệ thống thông tin thương mại đáp ứng nhu cầu khai thác cho các doanh nghiệp; thiết lập mạng lưới thanh toán bằng thẻ điện tử tại các trung tâm thương mại, siêu thị, sở giao dịch hàng hoá...

6.2. Các chính sách

- Đối với các doanh nghiệp đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thương mại trong Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn được thực hiện cơ chế, chính sách tài chính, chính sách thuế theo các Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Quyết định số 138/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn; Quyết định số 33/2009/QĐ-TTg ngày 02 tháng 03 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu.

- Chính sách tín dụng được áp dụng cho các dự án kết cấu hạ tầng thương mại theo quy định của Nghị định số 151/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2006 về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước và Nghị định số 106/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2008 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương:

- Công bố “Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng thương mại trên tuyến hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh giai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2025” và tổ chức theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch.

- Phối hợp với các Bộ, Ngành liên quan tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách về xuất, nhập khẩu và buôn bán biên mậu với Trung Quốc,

tạo điều kiện phát huy hiệu quả của các công trình hạ tầng thương mại dọc tuyến hành lang kinh tế.

2. Các Bộ, Ngành liên quan: theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trên tuyến hành lang đề xuất, xây dựng các cơ chế, chính sách cụ thể để tạo điều kiện thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu của Quy hoạch.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trên tuyến hành lang kinh tế:

Phối hợp với Bộ Công Thương tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch, chỉ đạo xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thu hút đầu tư, xây dựng các công trình hạ tầng thương mại theo quy hoạch trên địa bàn, phát triển hệ thống lưu thông hàng hoá, dịch vụ để vận hành có hiệu quả các công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh/thành phố trên tuyến hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh/thành phố: Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các Vụ TTTN, TMMN, XNK, KVI, CNĐP, Viện Nghiên cứu Thương mại thuộc Bộ Công Thương;
- Website Bộ Công Thương;
- Lưu VT, KH.

BỘ TRƯỞNG



Vũ Huy Hoàng

Phụ lục

Tổng hợp các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng thương mại trên tuyến hành lang kinh tế Lạng Sơn – Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 7052/QĐ-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)



Bảng 1. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CÁC KHU THƯƠNG MẠI TRÊN TUYẾN HÀNH LANG KINH TẾ

TT	Tên	Địa điểm	Diện tích (ha)	Vốn và giai đoạn đầu tư (Tỷ đồng)		Hình thức đầu tư
				2010-2015	2016-2020	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A	Toàn tuyến có 2 khu thương mại		210	3.000		
B	Phân bố trên địa bàn					
I	Tỉnh Lạng Sơn					
1	Khu Thương mại Tân Thanh	Khu vực cửa khẩu Tân Thanh	160	2.000		Mở rộng Xây mới 100 ha
2	Khu Thương mại Cốc Nam	Khu vực cửa khẩu Cốc Nam	50	1.000		Xây mới

Bảng 2. QUY HOẠCH CÁC TRUNG TÂM BÁN BUÔN (TTBB) TRÊN TUYẾN HÀNH LANG KINH TẾ

TT	Tên	Địa điểm	Diện tích (ha)	Vốn và giai đoạn đầu tư (Tỷ đồng)		Hình thức đầu tư
				2010 - 2015	2016 - 2020	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A	Toàn tuyến có 16 TTBB		428	8.920	8.200	
B	Phân bố					
I	LẠNG SƠN					
1	TTBB	TP. Lạng Sơn	20	800		Xây mới
2	TTBB hàng vật tư	H. Cao Lộc	5		200	Xây mới

II	BẮC GIANG					
1	TTBB	Khu vực ga Kép	30	600	600	Xây mới
III	BẮC NINH					
1	TTBB	TP. Bắc Ninh	30	1.200		Xây mới
IV	HÀ NỘI					
1	TTBB cấp vùng	H. Gia Lâm	50	1.000	1.000	Xây mới
2	TTBB cấp vùng	H. Sóc Sơn	50	1.000	1.000	Xây mới
3	TTBB cấp vùng	Thường Tín - Phú Xuyên	50		2.000	Xây mới
4	TTBB cấp vùng	Hoà Lạc - H. Thạch Thất	50	1.000	1.000	Xây mới
V	HƯNG YÊN					
1	TTBB	H. Yên Mỹ	20	800		Xây mới
2	TTBB	Tp. Hưng Yên	5		200	Xây mới
3	TTBB Phố Nối	H. Mỹ Hào	5	200		Xây mới
4	TTBB	H. Ân Thi	5		200	Xây mới
VI	HẢI DƯƠNG					
1	TTBB	H. Gia Lộc	30	600	600	Xây mới
2	TTBB	TX. Chí Linh	20	400	400	Xây mới
VII	HẢI PHÒNG					
1	TTBB	Q. Dương Kinh	50	1.000	1.000	Xây mới
VIII	QUẢNG NINH					
1	TTBB	TP. Hạ Long	8	320		Xây mới

Bảng 3. QUY HOẠCH CÁC TRUNG TÂM TRUNG CHUYÊN VÀ KHO VẠN (TTTC&KV) TRÊN TUYẾN HÀNH LANG KINH TẾ

TT	Tên	Địa điểm	Diện tích (ha)	Vốn và giai đoạn đầu tư (Tỷ đồng)		Hình thức đầu tư
				2010 - 2015	2016 - 2020	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A	Toàn tuyến có		1.160	22.800	23.600	

	07 TTTC&KV					
B	Phân bố trên địa bàn					
I	LẠNG SƠN					
1	TTTC&KV	H. Cao Lộc	160	3.200	3.200	Xây mới
II	BẮC GIANG					
1	TTTC&KV	Khu vực ga Kép	170	3.400	3.400	Xây mới
III	BẮC NINH					
1	TTTC&KV	TP. Bắc Ninh	80	1.600	1.600	Xây mới
IV	HÀ NỘI					
1	TTTC&KV	H. Sóc Sơn	200	4.000	4.000	Xây mới
2	TTTC&KV	H. Phú Xuyên	200		8.000	Xây mới
V	HƯNG YÊN					
1	TTTC&KV	H. Yên Mỹ	180	7.200		Xây mới
VI	HẢI DƯƠNG					
1	TTTC&KV	H. Gia Lộc	170	3.400	3.400	Xây mới

Bảng 4. QUY HOẠCH CÁC SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA TRÊN TUYẾN HÀNH LANG KINH TẾ

TT	Sở giao dịch hàng hóa	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Giai đoạn đầu tư		Hình thức đầu tư
				2010 - 2015	2016 - 2020	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A	Toàn tuyến có 25 sở giao dịch hàng hóa		70.000			
B	Phân bố trên địa bàn					
I	LẠNG SƠN					
1	Sở giao dịch hàng hóa	Khu CK Tân Thanh	5.000	x		Xây mới
2	Sàn giao dịch hàng hóa	TTB, TP. Lạng Sơn	1.000		x	Xây mới
II	BẮC GIANG					
1	Sở giao dịch hàng hóa	TTBB tại Khu vực ga Kép	3.000	x		Xây mới
2	Sở giao dịch hàng hóa	Chợ BBNS, TP. Bắc Giang	1.000	x		Xây mới
III	BẮC NINH					
1	Sở giao dịch hàng hóa	TTBB TP. Bắc Ninh	3.000	x		Xây mới

2	Sở giao dịch hàng hóa	Chợ BBNS tại H. Tiên Du	1.000		x	Xây mới
IV HÀ NỘI						
1	Sở giao dịch hàng hóa	TTBB tại H. Gia Lâm	5.000	x		Xây mới
2	Sở giao dịch hàng hóa	Chợ BBNS, H. Gia Lâm	3.000	x		Xây mới
3	Sở giao dịch hàng hóa	TTBB tại H. Sóc Sơn	5.000	x		Xây mới
4	Sở giao dịch hàng hóa	TTBB tại H. Thường Tín - Phú Xuyên	5.000		x	Xây mới
5	Sở giao dịch hàng hóa	Chợ BBNS tại H. Thường Tín Phú Xuyên	3.000		x	Xây mới
6	Sở giao dịch hàng hóa	TTBB tại Hòa Lạc - H. Thạch Thất	5.000		x	Xây mới
7	Sở giao dịch hàng hóa	Chợ BBNS tại Hòa Lạc - H. Thạch Thất	3.000		x	Xây mới
8	Sở giao dịch hàng hóa	Chợ BBNS H. Mê Linh	3.000		x	Xây mới
V HƯNG YÊN						
1	Sở giao dịch hàng hóa	TTBB tại H. Yên Mỹ	3.000	x		Xây mới
VI HẢI DƯƠNG						
1	Sở giao dịch hàng hóa	TTBB tại H. Gia Lộc	3.000	x		Xây mới
2	Sở giao dịch hàng hóa	Chợ BBNS tại TP. Hải Dương	1.000		x	Xây mới
3	Sở giao dịch hàng hóa	Chợ BBNS, H. Gia Lộc	1.000		x	Xây mới
VII HẢI PHÒNG						
1	Sở giao dịch hàng hóa	TTBB tại Q. Dương Kinh	5.000	x		Xây mới
2	Sở giao dịch hàng hóa	Chợ BBNS tại Q. Hồng Bàng	1.000	x		Xây mới
3	Sở giao dịch hàng hóa	Chợ BBNS tại TT. Cát Bà - H. Cát Hải	1.000	x		Xây mới
4	Sở giao dịch hàng hóa	Chợ BBNS tại H. Kiến Thụy	2.000		x	Xây mới
VIII QUẢNG NINH						
1	Sở giao dịch hàng hóa	TTPBB, TP. Hạ Long	3.000	x		Xây mới
2	Sở giao dịch hàng hóa	Chợ BBNS TX. Cẩm Phả	2.000	x		Xây mới
3	Sở giao dịch hàng hóa	Chợ BBNS tại H. Đông Triều	2.000		x	Xây mới

**Bảng 5. QUY HOẠCH CHỢ BÁN BUÔN NÔNG SẢN (BBNS)
TRÊN TUYẾN HÀNH LANG KINH TẾ**

TT	Tên	Địa điểm	Diện tích đất (ha)	Loại hình	Vốn và giai đoạn đầu tư (Tỷ đồng)		Hình thức đầu tư
					2010 - 2015	2016 - 2020	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
A	Toàn tuyến có 20 chợ BBNS		443,74		3.059	2.681,1	
B	Phân bố trên địa bàn						
I	LẠNG SƠN						
1	Chợ BBNS tổng hợp	H. Chi Lăng và H. Hữu Lũng	3	Tổng hợp	39		Xây mới
II	BẮC GIANG						
1	Chợ BBNS	X. Phượng Sơn – H. Lục Nam (trên tuyến đường sắt Kép - Quảng Ninh)	1,74	Chuyên doanh		22,6	Xây mới
2	Chợ BBNS Lạng Giang	X. Tân Dĩnh, H. Lạng Giang, (nơi giao cắt với quốc lộ 1A mới)	1,5	Chuyên doanh		19,5	Xây mới
3	Chợ BBNS tổng hợp	Ngoại vi TP. Bắc Giang	3	Tổng hợp	39		Xây mới
III	BẮC NINH						
1	Chợ BBNS tổng hợp	TP. Bắc Ninh	3	Tổng hợp	39		Xây mới
2	Chợ BBNS Lim	H. Tiên Du	5	Tổng hợp	65		Xây mới
IV	HÀ NỘI						Xây mới
1	Chợ BBNS tổng hợp cấp vùng	H. Gia Lâm	100	Tổng hợp	1.300		Xây mới
2	Chợ BBNS tổng hợp cấp vùng	H. Mê Linh	100	Tổng hợp	1.300		Xây mới
3	Chợ BBNS tổng hợp cấp vùng	H. Thường Tín - Phú Xuyên	100	Tổng hợp		1.300	Xây mới
4	Chợ BBNS tổng hợp cấp vùng	Hoà Lạc - Thạch Thất	100	Tổng hợp		1.300	Xây mới
V	HƯNG YÊN						
1	Chợ BB lúa gạo Yên Mỹ	H. Yên Mỹ	1,5	Chuyên doanh	19,5		Xây mới

2	Chợ BB rau quả Đông Tảo	H. Khoái Châu	1.5	Chuyên doanh	10		Nâng cấp
3	Chợ BBNS tổng hợp Mễ Sở	H. Văn Giang	3	Tổng hợp	39		Xây mới
VI	HẢI DƯƠNG						
1	Chợ BB nông sản tổng hợp cấp vùng	TP. Hải Dương	3		20		Nâng cấp
2	Chợ BBNS tổng hợp	Gia Xuyên - H. Gia Lộc	3		39		Xây mới
VII	HẢI PHÒNG						
1	Chợ BB rau quả	Q. Hồng Bàng	2	Chuyên doanh	26		Xây mới
2	Chợ BB thủy sản	TT. Cát Bà - H. Cát Hải	1.5	Chuyên doanh	19,5		Xây mới
3	Chợ BBNS tổng hợp	TT. Núi Đồi – H. Kiến Thụy	3	Tổng hợp		39	Xây mới
VIII	QUẢNG NINH						
1	Chợ BB thủy sản Cửa Ông	TX. Cẩm Phả	5	Chuyên doanh	65		Xây mới
2	Chợ BBNS tổng hợp Đông Triều	X. Bình Dương - H. Đông Triều	3	Tổng hợp	39		Xây mới

**Bảng 6. QUY HOẠCH CÁC TRUNG TÂM MUA SẺ (TTMS)
TRÊN TUYẾN HÀNH LANG KINH TẾ**

TT	Tên	Địa điểm	Quy mô (hạng)	Diện tích (m2)	Vốn và giai đoạn đầu tư (Tỷ đồng)		Hình thức đầu tư
					2011 - 2015	2016 - 2020	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
A	Toàn tuyến có 62 TTMS			3.754.000	22.085	15.005	
B	Phân bố trên địa bàn						
I	LẠNG SƠN						
1	TTMS Đông Kinh	TP. Lạng Sơn	2	50.000	250		Nâng cấp, cải tạo
2	TTMS (Phú Lộc IV)	TP. Lạng Sơn	3	21.000	210		Xây mới

3	TTMS Nam Hoàng Đồng I	TP. Lạng Sơn	3	10.000	100		Xây mới
4	TTMS Nam Hoàng Đồng III	TP. Lạng Sơn	3	10.000	100		Xây mới
5	TTMS Đường Lê Lợi	TP. Lạng Sơn	3	10.000	100		Xây mới
6	TTMS Đồng Đăng	H. Cao Lộc	3	20.000	200		Xây mới
7	TTMS	H. Văn Quan	3	15.000		150	Xây mới
8	TTMS Đồng Bành	H. Chi Lăng	3	15.000		150	Xây mới
9	TTMS Đồng Mỏ	H. Chi Lăng	3	15.000	150		Xây mới
10	TTMS	TT. Mẹt - H. Hữu Lũng	3	15.000	150		Xây mới
11	TTMS	TT. Lộc Bình - H. Lộc Bình	3	15.000		150	Xây mới
12	TTMS	TT. Thất Khê - H. Tràng Định	3	15.000	150		Xây mới
13	TTMS	TT. Bắc Sơn - Huyện Bắc Sơn	3	10.000		100	Xây mới
14	TTMS	TT. Bình Gia, H. Bình Gia	3	10.000		100	Xây mới
II BẮC GIANG							
1	TTMS Phía Nam	Khu quy hoạch mới phía Nam TP. Bắc Giang	2	50.000	500		Xây mới
2	TTMS	TP. Bắc Giang	2	50.000	500		Xây mới
3	TTMS Yên Sơn	Tiền Phong - H. Yên Dũng	3	10.000		100	Xây mới
4	TTMS Đồng Sơn	H. Yên Dũng	3	20.000		200	Xây mới
5	TTMS Vôi	TT. Vôi - H. Lạng Giang	3	10.000		100	Xây mới
6	TTMS Đồi Ngô	TT. Đồi Ngô - H. Lục Nam	3	10.000		100	Xây mới
7	TTMS Suối Mỡ	X. Nghĩa Phương - H. Lục Nam	3	10.000		100	Xây mới
8	TTMS KCN Đình Trám	X. Hoàng Ninh - H. Việt Yên	3	20.000	200		Xây mới

9	TTMS KCN Quang Châu	X.Quang Châu - H. Việt Yên	3	10.000	100		Xây mới
III	BẮC NINH						
1	TTMS	TP. Bắc Ninh	2	50.000	500		Xây mới
2	TTMS đô thị Yên Phong	H. Yên Phong	3	10.000	100		Xây mới
3	TTMS	TT Phố Mới - H. Quế Võ	3	10.000	100		Xây mới
4	TTMS	TX. Từ Sơn	3	20.000	200		Xây mới
5	TTMS đô thị Tiên Sơn	H. Tiên Du	3	10.000	100		Xây mới
IV	TP. HÀ NỘI						
1	TTMS vùng	H. Sóc Sơn	1	500.000	5.000		Xây mới
2	TTMS vùng	H. Gia Lâm	1	500.000	5.000		Xây mới
3	TTMS vùng	H. Thường Tín - Phú Xuyên	1	500.000		5.000	Xây mới
4	TTMS vùng	Thạch Thất - Hoà Lạc	1	500.000		5.000	Xây mới
V	HƯNG YÊN						
1	TTMS	Tp. Hưng Yên	2	50.000	500		Xây mới
2	TTMS	Tp. Hưng Yên	3	30.000	300		Xây mới
3	TTMS	TT Lương Bằng - H. Kim Động	3	30.000		300	Xây mới
4	TTMS	TT Yên Mỹ - H. Yên Mỹ	3	30.000	300		Xây mới
5	TTMS Giai Phạm	H. Yên Mỹ	3	13.000	130		Xây mới
6	TTMS Phố Nối	TT.Phố Nối - H. Mỹ Hào	3	10.000	100		Xây mới
7	TTMS	Khu Đô thị Văn Giang - H. Văn Giang	3	10.000		100	Xây mới
8	TTMS Như Quỳnh	TT. Như Quỳnh - H. Văn Lâm	3	30.000	300		Xây mới
9	TTMS Ân Thi	H. Ân Thi	3	30.000		300	Xây mới
VI	HẢI DƯƠNG						
1	TTMS	TP. Hải	2	100.000	1.000		Xây mới

		Dương					
2	TTMS Việt Tiên Sơn	TT. Sao Đỏ - H. Chí Linh	3	30.000		150	Nâng cấp, cải tạo
3	TTMS Tây Bắc	X. Thái Học, H. Bình Giang	3	10.000		50	Nâng cấp, cải tạo
4	TTMS	TT Phú Thái - H. Kim Thành	3	30.000		300	Xây mới
5	TTMS (đường 183 và 37)	H. Nam Sách	3	30.000		300	Xây mới
6	TTMS	H. Gia Lộc	3	30.000	300		Xây mới
VII	HẢI PHÒNG						Xây mới
1	TTMS	Q. Hồng Bàng	1	100.000	1.000		Xây mới
2	TTMS	Q. Ngô Quyền	1	100.000	1.000		Xây mới
3	TTMS	Q. Lê Chân	2	50.000	500		Xây mới
4	TTMS	Q. Kiến An	2	50.000	500		Xây mới
5	TTMS	Q. Dương Kinh	2	50.000	500		Xây mới
6	TTMS	Q. Đồ Sơn	2	50.000	500		Xây mới
7	TTMS	Q. Hải An	2	50.000	500		Xây mới
8	TTMS	Q. mới Trảng Cát- Cát Hải	2	50.000		500	Xây mới
9	TTMS	Q. mới An Dương	2	50.000		500	Xây mới
10	TTMS	Q. mới Tây Bắc	2	50.000		500	Xây mới
11	TTMS	Q. mới Bắc Sông Cấm	2	50.000	500		Xây mới
12	TTMS	Q. mới Bến Rừng	2	50.000		500	Xây mới
VIII	QUẢNG NINH						
1	An Hưng Plaza	P. Yết Kiêu - TP. Hạ Long	3	10.000	100		Xây mới
2	TTMS Bãi cháy	P. Bãi Cháy - TP. Hạ Long	2	50.000	250	250	Xây mới
3	TTMS Phú Thái	Hồng Hải - TP. Hạ Long	3	10.000	100		Xây mới